TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19/9/2025
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh, Kiểm sát viên

Ngày 19/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2025 về việc "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị M sinh ngày 10/7/1988; địa chỉ thôn N, phường H, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0371880049xx ngày cấp 28/6/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V sinh ngày 26/3/1978; địa chỉ xóm B, xã K, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0370780033xx ngày cấp 28/6/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị M trình bày: Chị M và anh V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 08/9/2008; sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận, từ đầu tháng 5/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh V có nhắn tin điện thoai về việc có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; dẫn đến từ ngày 22/5/2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M đề nghị Toà án giải quyết cho chị M được ly hôn anh V. Về nuôi con, chị M và anh V có 03 con chung là cháu Nguyễn Hà An S ngày 23/4/2009, cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 12/6/2010 và cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 17/6/2015; nếu ly hôn chị M đề nghị giao cháu A và cháu B cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, giao cháu D cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và chị M cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu A và cháu B. Về tài sản và công nợ, chị M không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay nợ ai tài sản gì.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn là anh V trình bày: Anh V và chị M tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 08/9/2008; cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng không biết tại sao từ ngày 22/5/2024 chị M bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm của anh V với chị M không còn; chị M khởi kiện xin ly hôn, anh V không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nuôi con, anh V và chị M có 03 con chung là cháu Nguyễn Hà An S ngày 23/4/2009, cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 12/6/2010 và cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 17/6/2015; nếu ly hôn anh V đề nghị giao cháu A cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, giao cháu D và cháu B cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh V không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi cháu D, anh V chỉ yêu cầu chị M phải cấp dưỡng cháu B cho anh V theo quy định của pháp luật. Về tài sản và công nợ, anh V không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

- Cho chị M được ly hôn anh V.

- Giao cháu Nguyễn Hà An S ngày 23/4/2009 và cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 17/6/2015 cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 12/6/2010 cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm mon con chung.

- Buộc chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị M khởi kiện "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" với anh V, việc khởi kiện của chị M được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh V cư trú tại xã K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về ly hôn: Chị M và anh V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 08/9/2008, tại thời điểm kết hôn chị M và anh V đều đã đủ điều

kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; nên hôn nhân giữa chị M và anh V là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị M khai từ đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do liên quan đến quan hệ tình cảm; từ tháng 5/2024 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh V xác định tình cảm vợ chồng của anh V với chị M không còn và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ quan hệ tình cảm, dẫn đến vợ chồng chị M và anh V đã phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân nhau; việc vợ chồng chị M và anh V sống ly thân là đã thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh V đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M, cho chị M ly hôn anh V.

[3] Về nuôi con: Chị M và anh V có 03 con chung là cháu Nguyễn Hà An S ngày 23/4/2009, cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 12/6/2010 và cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 17/6/2015.

Về cháu A và cháu D: Chị M và anh V đều đề nghị giao cháu A cho chị M nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; đề nghị trên của chị M và anh V là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu A là được ở với mẹ và nguyện vọng của cháu D là được ở với bố; nên Toà án chấp nhận.

Đối với cháu B: Cả chị M và anh V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu B; xét thấy trong biên bản lấy lời khai cháu B khai "Nguyện vọng của cháu được ở với mẹ vì mẹ cháu yêu thương cháu nhiều hơn"; trong biên bản xác minh của Toà án, đại diện Hội liên hiệp phụ nữ xã K có ý kiến "Về nuôi con sau ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, trên cơ sở nguyện vọng của các cháu". Đối với chị M hiện tại chị M đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại phường H, tỉnh Ninh Bình nên chị M có đủ thời gian tối thiểu để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị M có việc làm ổn định và có thu nhập (trong 3 tháng gần nhất) mỗi tháng là 9.000.000 đồng nên chị M có đủ khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng cả cháu A và cháu B. Nên chấp nhận yêu cầu của chị M giao cháu B cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh V nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi cháu D cho anh V; chị M nuôi dưỡng cháu A và cháu B, nhưng chị M cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu, nên không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu B cho chị M; nên Toà án không buộc chị M và anh V phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị M và anh V đều không yêu cầu Toà án giải quyết; chị M và anh V đều khai không vay mượn ai tài sản gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị Minh ly H anh Nguyễn Văn V.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị M; giao cháu Nguyễn Hà An sinh ngày 23/4/2009 và cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 17/6/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu A và cháu B đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Minh D sinh ngày 12/6/2010 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về án phí: Buộc chị Hà Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0001837 ngày 29/4/2025 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - Ninh Bình), chị M đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.